

**THÔNG BÁO**  
**Về việc tuyển sinh trình độ thạc sĩ đợt 1 năm 2026**

Căn cứ Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Quyết định số 1772/QĐ-ĐHTCM-ĐTSDH ngày 15 tháng 10 năm 2021 của Trường Đại học Tài chính – Marketing ban hành Quy định về tuyển sinh trình độ thạc sĩ;

Trường Đại học Tài chính – Marketing thông báo tuyển sinh trình độ thạc sĩ đợt 1 năm 2026, với những nội dung chính như sau:

**1. NGÀNH ĐÀO TẠO VÀ HÌNH THỨC ĐÀO TẠO**

**1.1. Ngành đào tạo và chỉ tiêu tuyển sinh:**

Trường hiện có 09 (chín) ngành đào tạo trình độ thạc sĩ. Mỗi ngành có định hướng nghiên cứu và định hướng ứng dụng với tổng chỉ tiêu là 540, dự kiến phân bổ:

| STT | Ngành                 | Mã ngành | Chỉ tiêu |
|-----|-----------------------|----------|----------|
| 1.  | Tài chính – Ngân hàng | 8340201  | 130      |
| 2.  | Quản trị kinh doanh   | 8340101  | 160      |
| 3.  | Quản lý kinh tế       | 8310110  | 40       |
| 4.  | Marketing             | 8340115  | 40       |
| 5.  | Kinh doanh quốc tế    | 8340120  | 40       |
| 6.  | Kế toán               | 8340301  | 40       |
| 7.  | Toán kinh tế          | 8310108  | 30       |
| 8.  | Kinh tế học           | 8310101  | 30       |
| 9.  | Luật kinh tế          | 8380107  | 30       |

**1.2. Hình thức và thời gian đào tạo:**

- Hình thức đào tạo: chính quy, kết hợp trực tiếp và trực tuyến theo quy định.
- Thời gian đào tạo: 2 năm (học vào các buổi tối và cuối tuần).

**2. PHƯƠNG THỨC TUYỂN SINH VÀ MÔN XÉT TUYỂN**

**2.1. Phương thức tuyển sinh:** xét tuyển đối với trình độ đại học và văn bằng, chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 3/6 trở lên.

**2.2. Các môn xét tuyển bao gồm:**

- a) Hai môn cơ sở ngành phù hợp trình độ đại học. Cụ thể:

| STT | Ngành                 | Môn cơ sở 1       | Môn cơ sở 2                         |
|-----|-----------------------|-------------------|-------------------------------------|
| 1.  | Tài chính – Ngân hàng | Kinh tế học       | Tài chính - Tiền tệ                 |
| 2.  | Quản trị kinh doanh   | Kinh tế học       | Quản trị học                        |
| 3.  | Quản lý kinh tế       | Kinh tế học       | Quản trị học                        |
| 4.  | Kinh tế học           | Kinh tế học       | Quản trị học                        |
| 5.  | Kinh doanh quốc tế    | Kinh tế học       | Kinh doanh quốc tế                  |
| 6.  | Marketing             | Kinh tế học       | Nguyên lý Marketing                 |
| 7.  | Kế toán               | Nguyên lý kế toán | Kế toán tài chính                   |
| 8.  | Toán kinh tế          | Kinh tế học       | Toán kinh tế                        |
| 9.  | Luật kinh tế          | Kinh tế học       | Lý luận chung nhà nước và pháp luật |

❖ **Lưu ý:** Nếu bảng điểm trình độ đại học của người dự tuyển không có học phần Kinh tế học, mà có 2 học phần Kinh tế vi mô và Kinh tế vĩ mô (mỗi môn 3 tín chỉ trở lên) thì điểm xét tuyển môn Kinh tế học là trung bình cộng điểm của 2 học phần nói trên.

b) Môn ngoại ngữ: xét tuyển đối với ngôn ngữ Anh, với các văn bằng, chứng chỉ được quy định chi tiết tại Phụ lục, Mục 1.3. Trường hợp ứng viên không có văn bằng, chứng chỉ tiếng Anh theo quy định; hoặc có nhưng đã hết thời hạn, phải tham gia kỳ thi đánh giá năng lực ngoại ngữ trình độ bậc 3/6 do Trường tổ chức trước khi thực hiện xét tuyển.

### **3. NỘP HỒ SƠ XÉT TUYỂN, THỜI GIAN XÉT TUYỂN, NHẬP HỌC, KHAI GIẢNG**

- Hạn chót nộp hồ sơ xét tuyển: 24/4/2026.
- Thời gian xét tuyển: cuối tháng 4/2026.
- Thời gian nhập học & khai giảng: Dự kiến tháng 5/2026.

### **4. LỆ PHÍ XÉT TUYỂN VÀ HỌC PHÍ**

- Lệ phí xét tuyển 2 môn cơ sở ngành: 280.000 đồng.
- Học phí dự kiến: **1.150.000 đồng/tín chỉ** (được chia làm 4 kỳ). Tổng chương trình đào tạo có 61 tín chỉ.

### **5. HỌC BỔ SUNG KIẾN THỨC (Xem chi tiết Phụ lục 2)**

- Hạn chót đăng ký học Bổ sung kiến thức: **12/3/2026**.
- Hồ sơ đăng ký học Bổ sung kiến thức gồm có: 01 Bằng đại học và 01 bảng điểm đại học sao y (hoặc đối chiếu bản gốc).
- Học phí Bổ sung kiến thức: 500.000 đồng/tín chỉ.

### **6. HỌC ÔN THI MÔN ANH VĂN (Xem chi tiết Phụ lục 3)**

- Dành cho ứng viên đăng ký tham gia kỳ thi đánh giá năng lực ngoại ngữ.
- Lệ phí thi đánh giá năng lực ngoại ngữ môn Anh văn: 550.000 đồng.
- Học phí Ôn thi: 1.000.000 đồng.
- Thời hạn đăng ký và đóng phí: Từ ngày 19/01/2026 đến hết ngày 06/3/2026.
- Ngày thi dự kiến 05/4/2026.

### **7. ĐIỀU KIỆN DỰ TUYỂN; HỒ SƠ DỰ TUYỂN (Xem chi tiết Phụ lục 1)**

### **8. CHÍNH SÁCH ƯU ĐÃI HỌC PHÍ:**

- Giảm 10% học phí đối với học viên là cựu sinh viên của Trường;

- Giảm 5% học phí đối với học viên có người thân đã và đang học cao học tại Trường.

### 9. ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ - ĐĂNG KÝ

Link đăng ký Tuyển sinh Sau đại học trực tuyến: <https://tuyensinhscdh.ufm.edu.vn/DangKy/CaoHoc>

Viện Đào tạo sau đại học, Trường Đại học Tài chính – Marketing

Phòng D006, cơ sở 778 Nguyễn Kiệm, phường Đức Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

Email: [tuyensinhscdh@ufm.edu.vn](mailto:tuyensinhscdh@ufm.edu.vn)

ĐT: 028 3997 4641

Thời gian: Sáng: 8g00 – 11g30 Chiều: 13g30 – 16g30

Chuyên viên phụ trách tuyển sinh:

| STT | Ngành                 | Chuyên viên phụ trách        | SĐT          | Email                                                              |
|-----|-----------------------|------------------------------|--------------|--------------------------------------------------------------------|
| 1.  | Quản trị kinh doanh   | ThS. Đỗ Minh Hương           | 0983637999   | <a href="mailto:dmhuong@ufm.edu.vn">dmhuong@ufm.edu.vn</a>         |
| 2.  | Kế toán               |                              |              |                                                                    |
| 3.  | Tài chính – Ngân hàng | ThS. Vũ Mạnh Thành           | 0703 216 336 | <a href="mailto:manhthanhvn@ufm.edu.vn">manhthanhvn@ufm.edu.vn</a> |
| 4.  | Luật kinh tế          |                              |              |                                                                    |
| 5.  | Quản lý kinh tế       | TS. Hoàng Sĩ Nam             | 0343843868   | <a href="mailto:hs.nam@ufm.edu.vn">hs.nam@ufm.edu.vn</a>           |
| 6.  | Marketing             | ThS. Nguyễn Ngọc Thảo Nguyên | 0988932803   | <a href="mailto:nntnguyen@ufm.edu.vn">nntnguyen@ufm.edu.vn</a>     |
| 7.  | Kinh tế học           |                              |              |                                                                    |
| 8.  | Kinh doanh quốc tế    | ThS. Châu Mỹ Chi             | 0903 848285  | <a href="mailto:chaumychi@ufm.edu.vn">chaumychi@ufm.edu.vn</a>     |
| 9.  | Toán kinh tế          |                              |              |                                                                    |

Đơn vị, cá nhân đăng ký tại văn phòng Viện Đào tạo sau đại học hoặc qua điện thoại, email như trên. / *Đỗ Minh Hương*

#### Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu;
- Các đơn vị trong Trường;
- Đăng Website Trường, Viện ĐTSĐH;
- Lưu: VT, ĐTSĐH (02b).



HIỆU TRƯỞNG

Phạm Tiến Đạt



## PHỤ LỤC 1

(Kèm theo Thông báo số 186 /TB-ĐHTCM-ĐTSĐH ngày 15/01/2026)

### 1. ĐỐI TƯỢNG VÀ ĐIỀU KIỆN DỰ TUYỂN

#### 1.1. Yêu cầu đối với người dự tuyển:

- a) Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp; đối với chương trình định hướng nghiên cứu yêu cầu hạng tốt nghiệp từ khá trở lên hoặc có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập, nghiên cứu;
- b) Có năng lực ngoại ngữ từ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;
- c) Có đủ sức khỏe để học tập;
- d) Đáp ứng các yêu cầu khác của chuẩn chương trình đào tạo do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và theo quy định của chương trình đào tạo.

1.2. Thí sinh tốt nghiệp đại học thuộc ngành gần (cùng lĩnh vực kinh doanh và quản lý), ngành khác (khác lĩnh vực nhưng có liên quan trực tiếp đến lĩnh vực quản trị, quản lý) với ngành dự tuyển cần học Bổ sung kiến thức. Danh mục ngành đúng, ngành gần, ngành khác và môn học Bổ sung kiến thức được nêu ở Phụ lục 2.

#### 1.3. Các văn bằng, chứng chỉ chứng minh năng lực ngoại ngữ từ Bậc 3 trở lên:

- a) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài; hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà chương trình được thực hiện chủ yếu bằng ngôn ngữ nước ngoài;
- b) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do Trường Đại học Tài chính – Marketing cấp trong thời gian không quá 02 năm mà chuẩn đầu ra của chương trình đã đáp ứng yêu cầu ngoại ngữ đạt trình độ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;
- c) Có một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam còn thời hạn 2 năm từ ngày cấp chứng chỉ đến ngày đăng ký dự tuyển:

| Ngôn ngữ  | Chứng chỉ /Văn bằng                              | Trình độ/Thang điểm                                                         |
|-----------|--------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|
|           |                                                  | Tương đương Bậc 3                                                           |
| Tiếng Anh | TOEFL iBT                                        | 30 - 45                                                                     |
|           | TOEFL ITP                                        | 450 - 499                                                                   |
|           | IELTS                                            | 4.0 - 5.0                                                                   |
|           | Cambridge Assessment English                     | B1 Preliminary/B1 Business Preliminary/ Linguaskill.<br>Thang điểm: 140-159 |
|           | TOEIC (4 kỹ năng)                                | Nghe: 275-399   Đọc: 275-384<br>Nói: 120-159   Viết: 120-149                |
|           | Pearson Test of English Academic (PTE Academic)  | 43 – 58                                                                     |
|           | Pearson English International Certificate (PEIC) | Bậc 3 (Level 2)                                                             |
|           | Aptis ESOL                                       | Bậc 3                                                                       |

d) Có chứng chỉ trình độ ngoại ngữ từ bậc 3/6 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương trong thời hạn 2 năm từ ngày cấp chứng chỉ đến ngày đăng ký dự tuyển của 38 Trường sau (Danh sách này được cập nhật thường xuyên theo quy định của nhà nước): (1) Trường ĐH Ngoại ngữ - ĐH Quốc gia Hà Nội; (2) Trường ĐH Ngoại ngữ - ĐH Đà Nẵng; (3) Trường ĐH Ngoại ngữ - ĐH Huế; (4) Trường ĐH Sư phạm Tp.HCM, (5) Trường ĐH Sư phạm Hà Nội; (6) Trường ĐH Thái Nguyên; (7) Trường ĐH Cần Thơ; (8) Trường ĐH Hà Nội; (9) Trường ĐH Vinh; (10) Học viện An ninh nhân dân; (11) Trường ĐH Sài Gòn; (12) Trường ĐH Ngân hàng TP.HCM; (13) Trường ĐH Trà Vinh, (14) Trường ĐH Văn Lang; (15) Trường ĐH Quy Nhơn; (16) Trường ĐH Tây Nguyên; (17) Trường ĐH Công Nghiệp TP.HCM; (18) Trường ĐH Công nghiệp thực phẩm TP.HCM; (19) Học viện Báo chí và Tuyên truyền; (20) Học viện Khoa học quân sự, (21) Trường ĐH Thương mại, (22) Học viện cảnh sát nhân dân, (23) Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn (ĐH Quốc Gia TP.HCM), (24) Trường Đại học Kinh tế - Tài chính TP.HCM, (25) Trường Đại học Bách khoa Hà Nội, (26) Trường ĐH Nam Cần Thơ, (27) Trường ĐH Ngoại thương, (28) Trường ĐH Kinh tế Quốc Dân, (29) Trường ĐH Kinh tế TP. HCM và (30) Trường ĐH Lạc Hồng, (31) Trường Đại học Đồng Tháp, (32) Trường Đại học Duy Tân, (33) Trường Đại học Phenikaa, (34) Học Viện Ngân hàng, (35) Trường Đại học Tài chính – Marketing, (36) Trường Đại học Thành Đông, (37) Trường Đại học Mở TP. HCM, (38) Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng.

## 2. HỒ SƠ ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN

- a) 01 Phiếu đăng ký dự tuyển (theo mẫu);
- b) 01 Lý lịch khoa học (theo mẫu) có xác nhận của thủ trưởng cơ quan hoặc chính quyền địa phương;
- c) 02 Bản sao có công chứng (hoặc đối chiếu bản gốc) các giấy tờ sau:
  - Bảng và bảng điểm tốt nghiệp đại học; Bảng và bảng điểm Cao đẳng đối với thí sinh học hệ liên thông;
  - Văn bằng, chứng chỉ minh chứng trình độ ngoại ngữ bậc 3 (nếu có);
  - Bảng điểm bổ sung kiến thức (nếu thuộc đối tượng phải bổ sung kiến thức);
  - Các văn bằng, chứng chỉ khác (nếu có).
- d) 01 Giấy chứng nhận đủ sức khỏe để học tập của bệnh viện hoặc phòng khám đa khoa thời gian không quá 6 tháng;
- e) 04 Ảnh màu cỡ 3x4 (ghi rõ họ tên và ngày sinh của người dự tuyển);
- f) 01 CCCD hoặc Hộ chiếu photo công chứng (hoặc đối chiếu bản gốc);
- g) Đối với các văn bằng tốt nghiệp đại học do các cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải cung cấp văn bằng và kết quả học tập kèm theo bản dịch và Giấy chứng nhận văn bằng của Cục Quản lý chất lượng – Bộ Giáo dục và Đào tạo (ngoại trừ các văn bằng được miễn thực hiện thủ tục công nhận văn bằng theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 13/2021/TT-BGDĐT ngày 15/4/2021).

- Link tải Mẫu hồ sơ dự tuyển: <https://daotao.hufm.edu.vn/vi/bieu-mau-hoc-vu/bieu-mau-ho-so-tuyen-sinh-cao-hoc>

- Link đăng ký Tuyển sinh Sau đại học trực tuyến: <https://tuyensinhsh.hufm.edu.vn/DangKy/CaoHoc>





## PHỤ LỤC 2 BỔ SUNG KIẾN THỨC

(Kèm theo Thông báo số 186 /TB-ĐHTCM ngày 15/04/2026)

### 1. Đối tượng:

- Người học bổ sung kiến thức có bằng đại học ngành liên quan trực tiếp tới chuyên môn, nghề nghiệp của ngành đăng ký dự tuyển trình độ Thạc sĩ thuộc lĩnh vực quản trị, quản lý.
- Người dự tuyển đã tốt nghiệp đại học ngành đúng nhưng không có môn xét tuyển theo quy định.
- Người dự tuyển đã tốt nghiệp đại học ngành đúng có nhu cầu cập nhật kiến thức ngành, chuyên ngành có thể đăng ký học bổ sung kiến thức.

#### ❖ Đối với ngành Tài chính – Ngân hàng:

- **Ngành gần:** các ngành đào tạo có cùng nhóm ngành với ngành Tài chính - Ngân hàng theo phân loại danh mục đào tạo cấp III. Môn học bổ sung kiến thức gồm **2 môn (5 tín chỉ)**, cụ thể:

| STT | Môn học             | Số tín chỉ | Lịch học<br>(dự kiến)                        | Học phí:<br>(500.000đ/TC) |
|-----|---------------------|------------|----------------------------------------------|---------------------------|
| 1   | Kinh tế học         | 3          | Các buổi tối trong tuần và<br>ngày cuối tuần | 1.500.000 đ               |
| 2   | Tài chính - Tiền tệ | 2          |                                              | 1.000.000 đ               |

- **Ngành khác:** các ngành đào tạo trình độ đại học khác không phải ngành đúng, ngành gần, nhưng có cùng lĩnh vực đào tạo theo phân loại danh mục đào tạo cấp II. Môn học bổ sung kiến thức gồm **4 môn (9 tín chỉ)**, cụ thể:

| STT | Môn học                | Số tín chỉ | Lịch học<br>(dự kiến)                        | Học phí<br>(500.000đ/TC) |
|-----|------------------------|------------|----------------------------------------------|--------------------------|
| 1   | Kinh tế học            | 3          | Các buổi tối trong tuần<br>và ngày cuối tuần | 1.500.000 đ              |
| 2   | Tài chính - Tiền tệ    | 2          |                                              | 1.000.000 đ              |
| 3   | Tài chính doanh nghiệp | 2          |                                              | 1.000.000 đ              |
| 4   | Nguyên lý kế toán      | 2          |                                              | 1.000.000 đ              |

#### ❖ Đối với ngành Quản trị Kinh doanh:

- **Ngành gần:** các ngành đào tạo trình độ đại học thuộc lĩnh vực kinh doanh và quản lý, nhưng không đúng ngành Quản trị kinh doanh. Môn học bổ sung kiến thức gồm **2 môn (5 tín chỉ)**, cụ thể:

| STT | Môn học      | Số tín chỉ | Lịch học<br>(dự kiến)                        | Học phí<br>(500.000đ/TC) |
|-----|--------------|------------|----------------------------------------------|--------------------------|
| 1   | Kinh tế học  | 3          | Các buổi tối trong tuần và<br>ngày cuối tuần | 1.500.000 đ              |
| 2   | Quản trị học | 2          |                                              | 1.000.000 đ              |

- **Ngành khác:** các ngành đào tạo trình độ đại học khác không phải ngành đúng, ngành gần, nhưng có liên quan trực tiếp tới chuyên môn, nghề nghiệp của ngành Quản trị kinh doanh. Môn học bổ sung kiến thức gồm **4 môn (9 tín chỉ)**, cụ thể:

| STT | Môn học             | Số tín chỉ | Lịch học<br>(dự kiến)                        | Học phí<br>(500.000đ/TC) |
|-----|---------------------|------------|----------------------------------------------|--------------------------|
| 1   | Kinh tế học         | 3          | Các buổi tối trong tuần và<br>ngày cuối tuần | 1.500.000 đ              |
| 2   | Quản trị học        | 2          |                                              | 1.000.000 đ              |
| 3   | Quản trị vận hành   | 2          |                                              | 1.000.000 đ              |
| 4   | Quản trị chiến lược | 2          |                                              | 1.000.000 đ              |

❖ **Đối với ngành Quản lý kinh tế:**

- **Ngành gần:** các ngành có cùng nhóm ngành với ngành Quản lý kinh tế theo phân loại danh mục đào tạo cấp III. Môn học bổ sung kiến thức gồm **2 môn (5 tín chỉ)**, cụ thể:

| TT | Môn học      | Số tín chỉ | Lịch học<br>(dự kiến)                        | Học phí<br>(500.000đ/TC) |
|----|--------------|------------|----------------------------------------------|--------------------------|
| 1  | Kinh tế học  | 3          | Các buổi tối trong tuần và<br>ngày cuối tuần | 1.500.000 đ              |
| 2  | Quản trị học | 2          |                                              | 1.000.000 đ              |

- **Ngành khác:** các ngành đào tạo trình độ đại học khác không phải ngành đúng, ngành gần, nhưng có cùng lĩnh vực đào tạo theo phân loại danh mục cấp II. Môn học bổ sung kiến thức gồm **4 môn (9 tín chỉ)**, cụ thể:

| TT | Môn học                     | Số tín chỉ | Lịch học<br>(dự kiến)                        | Học phí<br>(500.000đ/TC) |
|----|-----------------------------|------------|----------------------------------------------|--------------------------|
| 1  | Kinh tế học                 | 3          | Các buổi tối trong tuần<br>và ngày cuối tuần | 1.500.000 đ              |
| 2  | Quản trị học                | 2          |                                              | 1.000.000 đ              |
| 3  | Quản lý nhà nước về kinh tế | 2          |                                              | 1.000.000 đ              |
| 4  | Kinh tế phát triển          | 2          |                                              | 1.000.000 đ              |

❖ **Đối với ngành Kinh doanh quốc tế:**

- **Ngành gần:** các ngành đào tạo trình độ đại học thuộc lĩnh vực kinh doanh và quản lý, nhưng khác với ngành đúng, có cùng nhóm ngành với Kinh doanh quốc tế theo phân loại trong danh mục đào tạo cấp III. Môn học bổ sung kiến thức gồm **2 môn (5 tín chỉ)**, cụ thể:

| STT | Môn học            | Số tín chỉ | Lịch học<br>(dự kiến)                        | Học phí<br>(500.000đ/TC) |
|-----|--------------------|------------|----------------------------------------------|--------------------------|
| 1   | Kinh tế học        | 3          | Các buổi tối trong tuần và<br>ngày cuối tuần | 1.500.000 đ              |
| 2   | Kinh doanh quốc tế | 2          |                                              | 1.000.000 đ              |

- **Ngành khác:** các ngành đào tạo trình độ đại học khác không phải ngành đúng, ngành gần, nhưng có cùng lĩnh vực đào tạo theo phân loại danh mục đào tạo cấp II. Môn học bổ sung kiến thức gồm **4 môn (9 tín chỉ)**, cụ thể:

| STT | Môn học            | Số tín chỉ | Lịch học<br>(dự kiến)                        | Học phí<br>(500.000đ/TC) |
|-----|--------------------|------------|----------------------------------------------|--------------------------|
| 1   | Kinh tế học        | 3          | Các buổi tối trong tuần và<br>ngày cuối tuần | 1.500.000 đ              |
| 2   | Kinh doanh quốc tế | 2          |                                              | 1.000.000 đ              |

|   |                              |   |  |             |
|---|------------------------------|---|--|-------------|
| 3 | Quản trị logistics           | 2 |  | 1.000.000 đ |
| 4 | Giao dịch thương mại quốc tế | 2 |  | 1.000.000 đ |

❖ **Đối với ngành Kinh tế học:**

- **Ngành gần:** các ngành đào tạo ở cùng nhóm với ngành Kinh tế học theo phân loại trong Danh mục mã ngành có mã nhóm ngành là 73101. Cụ thể: Kinh tế chính trị, Kinh tế đầu tư, Kinh tế phát triển, Kinh tế quốc tế, Thống kê kinh tế, Quản lý kinh tế, học bổ sung kiến thức gồm **2 môn (5 tín chỉ)**, cụ thể:

| STT | Môn học      | Số tín chỉ | Lịch học (dự kiến)                        | Học phí (500.000đ/TC) |
|-----|--------------|------------|-------------------------------------------|-----------------------|
| 1   | Kinh tế học  | 3          | Các buổi tối trong tuần và ngày cuối tuần | 1.500.000 đ           |
| 2   | Quản trị học | 2          |                                           | 1.000.000 đ           |

- **Ngành khác:** các ngành đào tạo trình độ đại học khác không phải ngành đúng, ngành gần, nhưng có liên quan trực tiếp tới chuyên môn, nghề nghiệp của ứng viên như Quản trị kinh doanh, Kế toán, Tài chính – Ngân hàng, Kinh tế nông nghiệp, Kinh tế hộ gia đình..... Môn học bổ sung kiến thức gồm **4 môn (9 tín chỉ)**, cụ thể:

| STT | Môn học            | Số tín chỉ | Lịch học (dự kiến)                        | Học phí (500.000đ/TC) |
|-----|--------------------|------------|-------------------------------------------|-----------------------|
| 1   | Kinh tế học        | 3          | Các buổi tối trong tuần và ngày cuối tuần | 1.500.000 đ           |
| 2   | Quản trị học       | 2          |                                           | 1.000.000 đ           |
| 3   | Kinh tế đầu tư     | 2          |                                           | 1.000.000 đ           |
| 4   | Kinh tế phát triển | 2          |                                           | 1.000.000 đ           |

❖ **Đối với ngành Toán kinh tế:**

- **Ngành gần:** các ngành có cùng lĩnh vực với ngành Toán kinh tế, học bổ sung kiến thức gồm **2 môn (5 tín chỉ)**, cụ thể:

| STT | Môn học      | Số tín chỉ | Lịch học (dự kiến)                        | Học phí (500.000đ/TC) |
|-----|--------------|------------|-------------------------------------------|-----------------------|
| 1   | Kinh tế học  | 3          | Các buổi tối trong tuần và ngày cuối tuần | 1.500.000 đ           |
| 2   | Toán kinh tế | 2          |                                           | 1.000.000 đ           |

- **Ngành khác:** các ngành đào tạo trình độ đại học khác không phải ngành đúng, ngành gần, nhưng có liên quan trực tiếp tới chuyên môn, nghề nghiệp của ứng viên. Môn học bổ sung kiến thức gồm **4 môn (9 tín chỉ)**, cụ thể:

| STT | Môn học                        | Số tín chỉ | Lịch học (dự kiến)                        | Học phí (500.000đ/TC) |
|-----|--------------------------------|------------|-------------------------------------------|-----------------------|
| 1   | Kinh tế học                    | 3          | Các buổi tối trong tuần và ngày cuối tuần | 1.500.000đ            |
| 2   | Toán kinh tế                   | 2          |                                           | 1.000.000đ            |
| 3   | Lý thuyết xác suất và thống kê | 2          |                                           | 1.000.000đ            |
| 4   | Lý thuyết Tài chính – Tiền tệ  | 2          |                                           | 1.000.000đ            |

❖ **Đối với ngành Kế toán:**

- **Ngành gần:** các ngành có cùng lĩnh vực với ngành Kế toán, học bổ sung kiến thức gồm **2 môn (5 tín chỉ)**, cụ thể:

| STT | Môn học           | Số tín chỉ | Lịch học<br>(dự kiến)                        | Học phí<br>(500.000đ/TC) |
|-----|-------------------|------------|----------------------------------------------|--------------------------|
| 1   | Nguyên lý kế toán | 3          | Các buổi tối trong tuần và<br>ngày cuối tuần | 1.500.000 đ              |
| 2   | Kế toán tài chính | 2          |                                              | 1.000.000 đ              |

- **Ngành khác:** các ngành đào tạo trình độ đại học khác không phải ngành đúng, ngành gần, nhưng có liên quan trực tiếp đến nghiệp vụ chuyên môn của ứng viên. Môn học bổ sung kiến thức gồm **4 môn (9 tín chỉ)**, cụ thể:

| STT | Môn học           | Số tín chỉ | Lịch học<br>(dự kiến)                        | Học phí<br>(500.000đ/TC) |
|-----|-------------------|------------|----------------------------------------------|--------------------------|
| 1   | Nguyên lý kế toán | 3          | Các buổi tối trong tuần<br>và ngày cuối tuần | 1.500.000 đ              |
| 2   | Kế toán tài chính | 2          |                                              | 1.000.000 đ              |
| 3   | Kế toán quản trị  | 2          |                                              | 1.000.000 đ              |
| 4   | Kiểm toán căn bản | 2          |                                              | 1.000.000 đ              |

❖ **Đối với ngành Luật kinh tế:**

- **Ngành gần:** các ngành thuộc lĩnh vực Pháp luật (có cùng mã số 738 theo Danh mục ngành đào tạo) bao gồm: Luật, Luật hiến pháp và Luật hành chính, Luật dân sự và Tố tụng dân sự, Luật hình sự và tố tụng hình sự, Luật quốc tế, học bổ sung kiến thức **2 môn (5 tín chỉ)**, cụ thể:

| STT | Môn học                                | Số tín chỉ | Lịch học<br>(dự kiến)                        | Học phí<br>(500.000đ/TC) |
|-----|----------------------------------------|------------|----------------------------------------------|--------------------------|
| 1   | Kinh tế học                            | 3          | Các buổi tối trong tuần và<br>ngày cuối tuần | 1.500.000 đ              |
| 2   | Lý luận chung nhà nước<br>và pháp luật | 2          |                                              | 1.000.000 đ              |

- **Ngành khác:** các ngành đào tạo trình độ đại học khác không phải ngành đúng, ngành gần, nhưng có liên quan trực tiếp đến nghiệp vụ chuyên môn của ứng viên. Môn học bổ sung kiến thức gồm **4 môn (9 tín chỉ)**, cụ thể:

| STT | Môn học                             | Số tín<br>chỉ | Lịch học<br>(dự kiến)                           | Học phí<br>(500.000đ/TC) |
|-----|-------------------------------------|---------------|-------------------------------------------------|--------------------------|
| 1   | Kinh tế học                         | 3             | Các buổi tối<br>trong tuần và<br>ngày cuối tuần | 1.500.000 đ              |
| 2   | Lý luận chung nhà nước và pháp luật | 2             |                                                 | 1.000.000 đ              |
| 3   | Luật Thương mại                     | 2             |                                                 | 1.000.000 đ              |
| 4   | Luật Dân sự                         | 2             |                                                 | 1.000.000 đ              |

*Ghi chú: Các trường hợp đặc biệt khác do Hiệu trưởng quyết định trên cơ sở đề xuất của Hội đồng Tư vấn bổ sung kiến thức. Hội đồng Tư vấn bổ sung kiến thức do Hiệu trưởng quyết định.*

❖ **Đối với ngành Marketing:**

- **Ngành gần:** các ngành có cùng lĩnh vực với ngành Marketing, học bổ sung kiến thức gồm **2 môn (5 tín chỉ)**, cụ thể:

| STT | Môn học             | Số tín chỉ | Lịch học<br>(dự kiến)                        | Học phí<br>(500.000đ/TC) |
|-----|---------------------|------------|----------------------------------------------|--------------------------|
| 1   | Kinh tế học         | 3          | Các buổi tối trong tuần và<br>ngày cuối tuần | 1.500.000 đ              |
| 2   | Nguyên lý Marketing | 2          |                                              | 1.000.000 đ              |

- **Ngành khác:** các ngành đào tạo trình độ đại học khác không phải ngành đúng, ngành gần, nhưng có liên quan trực tiếp tới chuyên môn, nghề nghiệp của ứng viên. Môn học bổ sung kiến thức gồm **4 môn (9 tín chỉ)**, cụ thể:

| STT | Môn học                          | Số tín<br>chỉ | Lịch học<br>(dự kiến)                        | Học phí<br>(500.000đ/TC) |
|-----|----------------------------------|---------------|----------------------------------------------|--------------------------|
| 1   | Kinh tế học                      | 3             | Các buổi tối trong tuần<br>và ngày cuối tuần | 1.500.000 đ              |
| 2   | Nguyên lý Marketing              | 2             |                                              | 1.000.000 đ              |
| 3   | Hành vi người tiêu dùng nâng cao | 2             |                                              | 1.000.000 đ              |
| 4   | Nghiên cứu Marketing             | 2             |                                              | 1.000.000 đ              |

*Ghi chú: Các trường hợp đặc biệt khác do Hiệu trưởng quyết định trên cơ sở đề xuất của Hội đồng Tư vấn bổ sung kiến thức. Hội đồng Tư vấn bổ sung kiến thức do Hiệu trưởng quyết định.*



## PHỤ LỤC 3 HỌC ÔN THI ANH VĂN

(Kèm theo Thông báo số 186 /TB-ĐHTCM-ĐTSDH ngày 15 / 04 /2026)

### 1. Đối tượng:

- Người dự tuyển không có văn bằng, chứng chỉ thỏa điều kiện về năng lực ngoại ngữ từ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (xem tại Mục 1.3, Phụ lục 1);
- Người dự tuyển có văn bằng, chứng chỉ tương đương năng lực ngoại ngữ từ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam nhưng đã hết hạn tính đến ngày đăng ký dự tuyển.

### 2. Lịch học dự kiến và học phí:

- Lịch học: Tối thứ Sáu, Chiều thứ Bảy, Sáng & Chiều Chủ Nhật.
- Học phí Ôn: 1.000.000 đồng/học viên (Bằng chữ: Một triệu đồng).
- Lệ phí thi: 550.000 đồng/học viên (Bằng chữ: Năm trăm năm mươi ngàn đồng)

### 3. Hình thức đăng ký:

#### 3.1. Đăng ký trực tuyến:

- Bước 1: Học viên chuyển khoản theo thông tin sau:
  - Số tài khoản: 3131241291 - Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bắc Sài Gòn (BIDV Bắc Sài Gòn)
  - Tên tài khoản: Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học Đại học Tài chính - Marketing
  - Nội dung: CCCD Họ tên HP LP ĐVTA (Ví dụ: 083089000230 Tran Van HP LP ĐVTA)



- Bước 2: Học viên truy cập form <https://forms.gle/PWsfbXJ4Tb3nMWEj9> để đăng ký thông tin.
- Bước 3: Sau khi hết hạn đăng ký, Trung tâm sẽ gửi mail phản hồi cho học viên.

#### 3.2. Đăng ký trực tiếp:

- Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học Đại học Tài chính - Marketing  
Phòng D002, cơ sở 778 Nguyễn Kiệm, phường Đức Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Thời gian: Sáng: 7g00 – 11g00, Chiều: 13g00 – 19g00 (Từ thứ Hai đến thứ Sáu)
- Điện thoại: 0989 409 347 (call, zalo) để được tư vấn
- Email: [ttnnth@ufm.edu.vn](mailto:ttnnth@ufm.edu.vn)

#### 3.3. Thời hạn đăng ký: đến hết ngày 06/3/2026.



#### Phụ lục 4

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

### ĐƠN DỰ TUYỂN ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

Kính gửi: Hội đồng tuyển sinh đào tạo trình độ Thạc sĩ

Trường Đại Học Tài Chính - Marketing

Tôi tên là: .....

Sinh ngày: .....tại:.....

Hiện công tác tại:.....

Sau khi nghiên cứu thông báo tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ Ngành ..... năm ..... của Trường Đại học Tài chính – Marketing, căn cứ yêu cầu công tác của cơ quan và nguyện vọng cá nhân.

Tôi kính đề nghị Hội đồng tuyển sinh đào tạo trình độ Thạc sĩ cho phép tôi được ghi tên vào danh sách thí sinh dự tuyển tại Trường Đại học Tài chính - Marketing đợt.... năm .....

Ngành đăng ký dự tuyển: .....

Hình thức đào tạo đăng ký dự tuyển: ☐ Chính quy

Đăng ký Định hướng đào tạo: ☐ Nghiên cứu ☐ Ứng dụng

Đăng ký dự thi ngoại ngữ: .....

Địa chỉ liên lạc: .....

.....

Điện thoại: ..... E- mail :.....

Tôi cam kết chấp hành đầy đủ các quy chế, quy định về đào tạo trình độ Thạc sĩ của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trường Đại Học Tài Chính Marketing.

Ngày .....tháng .....năm .....

Người làm đơn

(Ký tên ghi rõ họ và tên)

TP, Hồ Chí Minh, ngày      tháng      năm 20.....

Hình 3x4

(Đóng dấu  
Giáp lai ảnh)

## LÝ LỊCH KHOA HỌC

### 1. Bản thân:

Họ và tên khai sinh: .....  
Sinh ngày..... tháng ..... năm ..... Nơi sinh.....  
Nơi công tác hiện nay: .....  
Chức vụ, nghề nghiệp: .....  
Hộ khẩu thường trú: .....  
Địa chỉ tạm trú hiện nay (nếu có): .....  
Địa chỉ liên lạc: .....  
Số điện thoại: (Cơ quan) ..... (Cá nhân).....  
Địa chỉ E-mail (nếu có):.....  
Dân tộc: .....Tôn giáo: .....Quốc tịch : .....  
Ngày vào Đoàn TNCS-HCM:.....  
Ngày vào Đảng CSVN: .....  
Đối tượng ưu tiên (nếu có thì ghi, gửi kèm giấy xác nhận):.....  
Tình trạng sức khỏe bản thân :.....

### 2. Quá trình đào tạo:

#### a. Đại học:

Loại hình đào tạo (chính quy, chuyên tu, tại chức, mở rộng, liên thông):.....  
Dài hạn:..... Ngắn hạn: .....  
Thời gian đào tạo: từ ..... đến .....Nơi tốt nghiệp .....  
Ngành học: .....  
Xếp hạng tốt nghiệp (Xuất sắc, Giỏi, Khá, Trung bình khá, Trung bình):.....  
Trình độ ngoại ngữ: A, B, C tiếng .....  
A, B, C tiếng .....

Hoặc bằng chuyên ngữ: .....  
Nơi cấp, thời gian cấp: .....

#### b. Trên đại học:

- Thực tập khoa học kỹ thuật từ .....đến.....  
+ Trường, Viện, Nước: .....  
+ Nội dung thực tập: .....  
- Học cao học từ:.....đến .....tại.....  
+ Chuyên ngành: .....  
+ Ngày và nơi bảo vệ tốt nghiệp.....  
+ Trình độ ngoại ngữ: A, B, C tiếng .....

- A, B, C tiếng .....
- Các chứng chỉ sau đại học:    + Triết học (năm .....)
  - + Phương pháp nghiên cứu khoa học (năm .....)
  - + Tin học (năm .....)
  - Các chứng chỉ khác (thời gian và nơi cấp) .....
  - .....
  - .....

**3. Quá trình học tập và làm việc của bản thân (từ khi học Đại học đến nay):**

| <i>Thời gian</i> | <i>Học hoặc làm gì?</i> | <i>Ở đâu?</i> | <i>Thành tích học tập, làm việc</i> |
|------------------|-------------------------|---------------|-------------------------------------|
|                  |                         |               |                                     |

**4. Kết quả hoạt động khoa học kỹ thuật (bài báo khoa học, đề tài NCKH, giải thưởng khoa học các cấp, tham gia các hội nghị khoa học kỹ thuật quốc tế.....)**

.....

.....

**5. Khả năng chuyên môn, nguyện vọng hiện nay về hoạt động khoa học kỹ thuật**

.....

.....

**6. Lời cam đoan:**

Tôi xin cam đoan những lời khai trong lý lịch này là đúng sự thật, nếu có điều gì sai trái tôi xin chịu trách nhiệm trước Pháp luật.

Cơ quan (hoặc địa phương) xác nhận  
(*ký tên, đóng dấu*)

TP. Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ..... năm ...  
*Người khai ký tên*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

---

*Tp.HCM, ngày ... tháng ... năm 20...*

**GIẤY CAM ĐOAN**  
**(dành cho đối tượng chỉ có giấy tốt nghiệp tạm thời)**

**Kính gửi: - Ban Giám hiệu Trường ĐH Tài chính – Marketing**  
**- Viện trưởng Viện Đào tạo Sau Đại học**

Tôi tên là: .....

Ngày sinh: .....

Số điện thoại: .....

Hôm nay, tôi đến Viện ĐTSĐH để nộp hồ sơ dự thi cao học Khóa....

Nhưng chỉ có:

☐ Giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời (thời hạn đến.....)

☐ Mới tốt nghiệp, chưa có Giấy chứng nhận Tốt nghiệp Đại học tạm thời (đến ngày.....mới có)

Nay tôi cam kết tôi đã chính thức tốt nghiệp Đại học ngành .....

Khoá ..... tại trường .....

Và xin được dự thi tuyển sinh trình độ Thạc sĩ đợt ...../20..... ngành .....

Tôi cam kết, nếu đến hết ngày nhận hồ sơ đăng ký dự thi, tôi vẫn không nộp được Bằng tốt nghiệp Đại học chính thức thì tôi sẽ không được dự thi tuyển sinh trình độ Cao học đợt...../20..... theo quy định. Tôi tự nguyện đăng ký và tự chịu trách nhiệm với quyết định của mình mà không có bất cứ đòi hỏi, thắc mắc gì.

**Người làm đơn**  
(kí và ghi rõ họ tên)

.....